

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM  
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: PGS**

Mã hồ sơ: .....



Đối tượng: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng   
Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

- 1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN QUANG TIẾN
- 2. Ngày tháng năm sinh: 13/1/1972; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
- 3. Đảng viên Đảng CSVN:
- 4. Quê quán: Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, Thái Bình
- 5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:  
Số nhà 215, Tổ 31B, Phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- 6. Địa chỉ liên hệ: Trần Quang Tiến – Học viện Phụ nữ Việt Nam, số 68, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.  
Điện thoại nhà riêng: 04 3 5544768; Điện thoại di động: 0948990868; Địa chỉ E-mail: tranquangtien@vwa.edu.vn
- 7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
  - Từ năm 1995 đến năm 2003: Nghiên cứu viên, Ban Nghiên cứu TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
  - Từ năm 2003 đến năm 2007: Nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp quốc gia Australia
  - Từ năm 2008 đến năm 2012: Giảng viên, Giảng viên chính (từ tháng 1/2011), Trưởng khoa Quản trị Kinh doanh, Phó Giám đốc phụ trách đào tạo của Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương;
  - Từ năm 2012 đến năm 2014: Giảng viên chính, Phó Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách Học viện Phụ nữ Việt Nam, Bí thư đảng ủy Học viện;
  - Từ tháng 2 năm 2015 đến nay: Giảng viên chính, Giảng viên cao cấp (năm 2018), Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch hội đồng khoa học và đào tạo Học viện, Bí thư đảng ủy Học viện.



- Chức vụ hiện nay: Giảng viên cao cấp, Ủy viên ban thường vụ đảng ủy cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam, Bí thư đảng ủy Học viện, Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch hội đồng khoa học và đào tạo Học viện.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Ủy viên ban thường vụ đảng ủy cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam, Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch hội đồng khoa học và đào tạo Học viện, Phó Chủ tịch Hội đồng khoa học cơ quan TW Hội LHPN Việt Nam.

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Phụ nữ Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: số 68, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 043 7755632; Địa chỉ E-mail: [tranquangtien@vwa.edu.vn](mailto:tranquangtien@vwa.edu.vn);

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Công đoàn, Học viện Chính sách và Phát triển

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có) :.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 5 tháng 4 năm 1994, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 6 tháng 9 năm 2001, ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 12 năm 2007 ngành Kinh tế, chuyên ngành Kinh tế học

Nơi cấp bằng TS: Đại học Tổng hợp quốc gia Australia, Australia

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày.....tháng.....năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, quan tâm đến năng lực lãnh đạo của phụ nữ trong doanh nghiệp, lập kế hoạch chiến lược và khởi nghiệp và khởi sự kinh doanh của phụ nữ. Trong đó có bao gồm cả nghiên cứu hiệu quả, sự bền vững của các mô hình kinh tế tập thể do phụ nữ quản lý (hợp tác xã, tổ liên kết, tổ hợp tác) được Hội LHPN Việt Nam hỗ trợ triển khai.

- Giới trong một số lĩnh vực của kinh tế học (kinh tế học về giới): bản thân đang chủ trì biên soạn giáo trình hệ đại học về kinh tế học về giới, bao gồm các nội dung: giới và hành vi của người tiêu dùng, thị trường lao động và giới, giới trong các chính sách kinh tế, giới và kinh tế hộ gia đình... Trong đó, những năm gần đây tập trung phân tích thực trạng lao động, việc làm theo giới; khả năng thích ứng của lao động nữ trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở Việt Nam;

- Tài chính vi mô ở Việt Nam, tập trung nghiên cứu: thị trường tài chính vi mô khu vực phi chính thức; mô hình vận hành của các tổ chức tài chính vi mô, hướng tới chuyên nghiệp hóa;

đã chủ biên soạn tài liệu hướng dẫn về tài chính vi mô; đang chủ trì nghiên cứu xây dựng 1 giáo trình thạc sỹ về Tài chính vi mô

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài và công ty đa quốc gia: thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài, hoạt động của các công ty đa quốc gia, hiệu quả của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 13 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sỹ;

- Đã hướng dẫn phụ 01 NCS: đã tổ chức bảo vệ cấp trường, chờ cấp bằng.

- Đã hoàn thành 4 đề tài NCKH cấp bộ (Chủ nhiệm);

- Đã hoàn thành 4 đề tài NCKH cấp cơ sở (Chủ nhiệm);

- Đã hoàn thành nhiều nghiên cứu cho các tổ chức quốc tế về tài chính vi mô với vai trò chủ nhiệm nghiên cứu;

- Đã hoàn thành nhiều nghiên cứu đánh giá cho các tổ chức quốc tế (tư vấn độc lập)

- Đã công bố (số lượng) 25 bài báo KH, trong đó 3 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục SSCI và Scopus; 01 bài đã được chấp nhận đăng trong tháng 7/2019;

- Số sách đã xuất bản: 8, trong đó chủ biên và đồng chủ biên 6 giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo; tham gia biên soạn 1 chương sách quốc tế nằm trong danh mục nhà xuất bản có uy tín;

- Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

@ Bài đăng tạp chí khoa học quốc tế: Reforms in FDI policy and investment climate in Vietnam, Journal of World Trade, 42(6); tạp chí thuộc danh mục SSCI và Scopus;

@ “Competition policy in Vietnam: economic background, application and prospect” – Báo cáo trình bày tại Hội thảo quốc tế “Competition Policy in Southeast Asia - A Stock Take of Recent Development and Development” tại Phillipin năm 2010;

@ Bài đăng tạp chí khoa học quốc tế: Foreign direct investment in industrial transition: the experience of Vietnam, Journal of the Asia Pacific Economy, 17(3), 2012; tạp chí thuộc danh mục SSCI;

@ Bài đăng tạp chí khoa học quốc tế: Gender Bias and Women Entrepreneurs in Vietnam (đã có email chấp nhận đăng trong tháng 7/2019), Indian Journal of Social Work, tạp chí thuộc danh mục Scopus.

@ Đề tài NCKH:

- “Nghiên cứu xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở miền Bắc Việt Nam” - Dự án nghiên cứu khoa học cấp bộ do TW Hội LHPN Việt Nam giao 2015, KOICA tài trợ;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Huân chương Lao động hạng Ba của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2019

- Huân chương Lao động Hạng Ba của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào năm 2018

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2013;

- Bằng khen 5 năm của Chủ tịch hội LHPN Việt Nam năm 2015
- Bằng khen 5 năm của Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2015;
- Chiến sỹ thi đua cấp bộ ngành các năm: 2010, 2013, 2015, 2017
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 10 năm liền từ 2008-2017.
- Kỷ niệm chương vì sự phát triển phụ nữ Việt Nam

16. Kỷ luật: Không có

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo.

#### a) Thực hiện hoạt động chuyên môn của Giảng viên

- Luôn luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của giảng viên được quy định theo các văn bản hiện hành của nhà nước và của Học viện;
- Hàng năm đều tham gia giảng dạy vượt định mức giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học và sản phẩm khoa học quy định cho giảng viên cơ hữu; trực tiếp giảng dạy các môn học hệ đại học và thạc sỹ: kinh tế học vi mô, thống kê kinh tế, kinh tế lượng, tài chính vi mô, kinh tế học về giới;
- Tích cực chủ trì, tham gia nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ và cấp Học viện, các nghiên cứu cho các tổ chức quốc tế;
- Tham gia thỉnh giảng tại 1 số trường đại học;
- Đã và đang hướng dẫn luận văn thạc sỹ cho 15 học viên cao học tại trường đại học KTQD, Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện Chính sách và Phát triển; trong đó, 13 học viên đã bảo vệ thành công luận văn; hướng dẫn phụ cho 1 Nghiên cứu sinh tại trường Đại học Kinh tế quốc dân;
- Tham gia nhiều hội đồng nghiệm thu đề tài cấp bộ, dự án (với vai trò phản biện, ủy viên). Tham gia nhiều Hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ, luận án tiến sĩ từ năm 2009 đến nay.

#### b) Về đạo đức và lối sống:

- Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, luôn tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt quy định và Điều lệ Đảng.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành, nội quy, quy chế của Học viện.
- Có lối sống lành mạnh, giản dị, có tinh thần đoàn kết, sống hòa đồng, chân thành với đồng chí, đồng nghiệp, quan hệ đúng mực với sinh viên, được mọi người yêu mến.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân nơi cư trú.

### 2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số thời gian tham gia giảng dạy đại học là 9 năm. Thời gian giảng dạy, hướng dẫn 6 năm gần đây như sau:

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013 – 2014			1		290		290/315

2	2014 – 2015			1		336		336/361
3	2015 – 2016			3		292		292/442
3 năm học cuối								
4	2016 – 2017			2	2	305	45	350/650
5	2017- 2018			2	1	334		334/571
6	2018- 2019		1	2		325		325/556

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

– Học ĐH ; Tại nước: .....

– Bảo vệ luận án ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: TS tại Australia, năm 2007

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Hà Nội (Đại học Ngoại ngữ) số bằng: B117543; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .....

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS:

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1.	Vũ Thị Thanh Hoa		X	X		2011-2012	Kinh tế quốc dân	2012
2.	Trịnh Mai Hương		X	X		2011-2012	Kinh tế quốc dân	2012
3.	Phạm Thị Thanh Huyền		X	X		2013-2014	Kinh tế quốc dân	2014
4.	Vàng Seo Cón		X	X		2014-2015	Học viện Chính trị	2015

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
							khu vực I	
5.	Nguyễn Thu Phương		X	X		2015-2016	Kinh tế quốc dân	2016
6.	Thịnh Văn Phong		X	X		2015-2016	Học viện Chính trị khu vực I	2016
7.	Phạm Hồng Thanh		X	X		2015-2016	Học viện Chính trị khu vực I	2016
8.	Nông Thu Trang		X	X		2016-2017	Học viện Chính trị khu vực I	2017
9.	Đỗ Phú Trung		X	X		2016-2017	Học viện Chính trị khu vực I	2017
10.	Nguyễn Xuân Tính		X	X		2017-2018	Học viện Chính trị khu vực I	2018
11.	Nguyễn Văn Long		X	X		2017-2018	Học viện Chính trị khu vực I	2018
12.	Hoàng Mạnh Hùng		X	X		2018-2019	Học viện Chính sách và Phát triển	2019
13.	Đào Thị Yến		X	X		2018-2019	Học viện Chính sách và Phát triển	2019

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

*Biên soạn sách sau khi bảo vệ học vị Tiến sĩ*

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Phương pháp nghiên cứu	TK	Nhà xuất bản Phụ nữ, 2009	9	Tham gia, 39-54	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 12/GXN/HVPNVN ngày 4/12/2016
2	The Rise of Asia: Trade and	CK	Sách chuyên khảo quốc tế,	16	Tham gia, 207-229	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	Investment in Global Perspective		xuất bản bởi Routledge, 2010			12/GXN/HVPNVN ngày 4/12/2016
3	Hướng dẫn lập Kế hoạch khởi sự kinh doanh	CK	Nhà xuất bản Phụ nữ, 2012	6	Chủ biên	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 12/GXN/HVPNVN ngày 4/12/2016
4	Tài chính vi mô trong xu thế chuyển đổi và chuyên nghiệp hóa	TK	Nhà xuất bản Phụ nữ, 2013	6	Đồng chủ biên (2 người); 9-45	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 12/GXN/HVPNVN ngày 4/12/2016
5	Thực trạng, chính sách và giải pháp đào tạo nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Thanh niên, 2016	4	Chủ biên	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 03/GXN/HVPNVN ngày 28/6/2019
6	Giáo trình Giới trong an sinh xã hội	GT	Nhà Xuất bản Giáo dục, 2016	9	Đồng Chủ biên (2 người);	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 03/GXN/HVPNVN ngày 28/6/2019
7	Kết quả điều tra nhận thức và dự định khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh của phụ nữ	TK	Nhà Xuất bản Công thương, 2019	6	CB, 9-21; 51-84	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 03/GXN/HVPNVN ngày 28/6/2019
8	Tài chính vi mô căn bản	GT	Nhà Xuất bản Phụ nữ, 2019	4	CB, viết chương 1, 3 và 5, một phần chương 2	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 03/GXN/HVPNVN ngày 28/6/2019

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi cấp bằng TS:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	The Rise of Asia: Trade and Investment in Global Perspective	CK	Sách chuyên khảo quốc tế, xuất bản bởi Routledge, 2010	16	Tham gia, 207-229	Học viện Phụ nữ Việt Nam; số văn bản 12/GXN/HVPNVN ngày 4/12/2016

## 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1.	Nghiên cứu đánh giá tác động của dự án Hà Lan nâng cao năng lực phụ nữ về quản trị kinh doanh	CN	Quyết định số 35A/QĐ-BGD ngày 8/5/2008 của Ban Giám đốc Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương (đề tài khoa học cấp trường)	2008	2008
2.	An Evaluation on Micro Finance component of the Integrated Child Development Program (ICDP) in Luc Yen district, Yen Bai, Vietnam	CN	Hợp đồng tư vấn nghiên cứu đánh giá độc lập cho Quỹ Cứu trợ trẻ em	2008-2009	2009
3.	An Evaluation on Joint Credit Model for the poor	CN	Hợp đồng tư vấn nghiên cứu đánh giá độc lập cho tổ chức UNICEF	2008	2008
4.	Nghiên cứu điều tra nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức Hội LHPN Việt Nam	CN	Quyết định số 11A/QĐ-BGD ngày 14/1/2010 của Ban Giám đốc Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương (đề tài cấp trường, hợp đồng với Bộ Nội vụ)	2009-2010	22/4/2010
5.	Nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ số giám sát, đánh giá Đề án 295 “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010-2015”	CN	Kế hoạch số 78/KH-ĐCT ngày 4/3/2013 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam giao nhiệm vụ (cấp bộ)	2013	18/12/2013
6.	Tính bền vững của mô hình kinh tế tập thể do Hội LHPN Việt Nam hỗ trợ triển khai – nghiên cứu trường hợp ở 3 tỉnh miền Bắc.	CN	Mã số 2015CN03 Theo Quyết định số 141 ngày 5/6/2015 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam – Đề tài Cấp Học viện (cơ sở)	2015	28/1/2016
7.	Nghiên cứu xây dựng Chiến lược Phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030	CN	Quyết định số 165b/QĐ-ĐCT ngày 9/3/2015 của Đoàn Chủ tịch TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (cấp bộ)	2015	20/11/2015
8.	Nghiên cứu xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở miền Bắc Việt Nam	CN	Quyết định số 249b/QĐ-ĐCT ngày 2/7/2015 của Đoàn Chủ tịch TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (cấp bộ)	2015-2016	21/4/2016
9.	Nghiên cứu đánh giá sự thay đổi năng lực làm việc của cán	CN	Theo Quyết định số 244/QĐ-HVPNVN ngày		18/1/2017



TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
	bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam sau bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội (nghiên cứu trường hợp ba tỉnh miền Bắc)		30/6/2016 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam – Đề tài Cấp Học viện (cơ sở)	2016	
10.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia lãnh đạo doanh nghiệp của phụ nữ Việt Nam - Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ	CN	Mã số 502.01-2015.04 Của Quỹ Nafosted tài trợ (cấp Bộ)	2017-2019	Đang thực hiện
11.	Khả năng thích ứng nghề nghiệp của lao động nữ trước yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư	CN	Quyết định số 1369/QĐ-ĐCT ngày 16/4/2018 của Đoàn Chủ tịch TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (cấp bộ)	2018-2019	Đang thực hiện

**Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

## 7. Kết quả NCKH đã công bố (bài báo khoa học và bằng phát minh, sáng chế)

### 7.1. Bài báo khoa học đã công bố

#### 7.1.1. Trước khi bảo vệ luận án TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1	Dự án phát triển các mục tiêu kinh tế xã hội tại các vùng nông thôn Việt Nam	MM	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0866-7020		3 (15)	267-268	2002
2	Tác động của các chính sách khoa học công nghệ và môi trường đến sự phát triển của các ngành nghề nông thôn Hà Nội	MM	Tạp chí Kinh tế & Phát triển	1859-0012		58	28-31	2002

#### 7.1.2. Sau khi bảo vệ luận án TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1.	Foreign direct investment and export behaviour in Vietnamese manufacturing - A firm level analysis	MM	Hội thảo khoa học quốc tế tại: Singapore Economic Review			ID204	102 (42 tr)	2007
2.	Reforms in FDI policy and investment climate in Vietnam	MM	Journal of World Trade (SSCI-ISI)	SSCI 1011-6702;	8	42 (6)	1179-1202	2008
3.	Sudden surge in FDI and infrastructure bottlenecks: the case in Vietnam	MM	ASEAN Economic Bulletin Scopus	Scopus 0217-4472	9	26 (1)	58-76	2009
4.	Local Women's Capacity Building through International Partnership in Vietnam	MM	Hội thảo quốc tế tại Hàn Quốc				45-60	2010
5.	Competition policy in Vietnam: economic background, application and prospect	MM	Hội thảo quốc tế tại Philippine				56 tr	11-12/1/2010
6.	Foreign direct investment in industrial transition: the experience of Vietnam	2	Journal of the Asia Pacific Economy (SSCI-ISI)	SSCI 1354-7860 1469-9648	44	17 (3)	446-463	2012
7.	Những nội dung cần quan tâm trong quy hoạch và đầu tư xây dựng nông thôn mới tại xã Phồn xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	2	Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam,	1859-4700		14	39-42	2014
8.	Phát huy tiềm năng của phụ nữ Việt Nam để phát triển kinh tế đất nước	MM	Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam	1859-4700		18	42-43	2015
9.	Hệ thống chính sách pháp luật về Kinh tế tập thể	MM	Tạp chí Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam	1859-4700		23	20-23	2015
10.	Thực trạng phát triển kinh	MM	Tạp chí Khoa học Phát triển	1859-4700		26	38-39	2016

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
	tế tập thể ở Việt Nam		Nông thôn Việt Nam					
11.	Đánh giá tính bền vững của Hợp tác xã qua khảo sát một số mô hình hợp tác xã hiện nay	MM	Tạp chí Quản lý nhà nước	2354-0761		242	75-79	2016
12.	Thị trường lao động và bình đẳng giới ở Việt Nam	MM	Tạp chí Kinh tế & Dự báo	0886-7120		13	7-10	2016
13.	Thực trạng nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách	MM	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế	0866-7489		11 (462)	40-46	2016
14.	Thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm và giá trị gia tăng của sản phẩm ngô tại tỉnh Sơn La	MM	Tạp chí Kinh tế & Dự báo	0886-7120		30	47-49	2016
15.	Công tác xã hội với phụ nữ và trẻ em: kinh nghiệm của một số quốc gia	MM	Hội thảo khoa học quốc tế	978-604-0-09664-7			3-5	2016
16.	Ảnh hưởng của khác biệt loại hình sở hữu lên hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam	2 (viết chính)	Tạp chí Kinh tế và Phát triển	1859-0012		238	49-57	2017
17.	Ảnh hưởng của bồi dưỡng nghiệp vụ đến sự thay đổi năng lực làm việc: nghiên cứu trường hợp tại Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	MM	Tạp chí Kinh tế và Phát triển	1859-0012		239	84-91	2017
18.	Phụ nữ khởi nghiệp: từ chính sách đến thực tiễn ở Việt Nam	MM	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế	0866-7489		8 (471)	65-73	2017
19.	Gender gap in the workforce market of Vietnam	MM	Hội thảo khoa học quốc tế tại trường Đại học Ochanomizu, Nhật bản				1-5	2017
20.	Đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ	MM	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế	0866-7489		5 (480)	88-95	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
21.	The Factors affecting on entrepreneurial intention of Vietnamese Women	MM	International Journal of Business Research	Scopus 1555-1296		18 (3)	115-120	2018
22.	Khả năng thích ứng nghề nghiệp trong bối cảnh CMCN lần thứ tư- Tổng quan lý thuyết và đề xuất mô hình nghiên cứu	MM	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	0886-7120		21	90-93	2018
23.	Gender diversity in enterprise's leadership and Vietnamese firm performance	2 (viết chính)	Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế	ISBN: 978-604-89-5381-2			232-244	2018
24.	Khác biệt giới trong năng lực lãnh đạo doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn Hà Nội	MM	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế	0866-7489		4 (491)	82-89	2019
25.	Gender Bias and Women Entrepreneurs in Vietnam (đã có email chấp nhận đăng trong tháng 7/2019)	MM	Indian Journal of Social Work	Scopus 0019-5634				2019

Chú thích: (\*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KH-XH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1.	Reforms in FDI policy and investment climate in Vietnam	MM	Journal of World Trade (SSCI-ISI)	SSCI 1011-6702;	8	42 (6)	1179-1202	2008
2.	Foreign direct investment in industrial transition: the experience of Vietnam	2	Journal of the Asia Pacific Economy (SSCI-ISI)	SSCI 1354-7860 1469-9648	44	17 (3)	446-463	2012
3.	The Factors affecting on	MM	Internationa	Scopus 1555-		18 (3)	115-120	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
	entrepreneurial intention of Vietnamese Women		I Journal of Business Research	1296				
4.	Gender Bias and Women Entrepreneurs in Vietnam (đã có email chấp nhận đăng trong tháng 7/2019)	MM	Indian Journal of Social Work	Scopus 0019-5634 RG				2019
5	Sudden surge in FDI and infrastructure bottlenecks: the case in Vietnam	MM	ASEAN Economic Bulletin Scopus	Scopus 0217-4472	9	26 (1)	58-76	2009

## 7.2. Bằng phát minh, sáng chế: Không

### 8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Chủ trì xây dựng Đề án thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam trên cơ sở nâng cấp Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương. Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam.

- Chủ trì xây dựng 2 đề án, chương trình đào tạo hệ đại học ngành Quản trị kinh doanh và Công tác xã hội năm 2012, được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo Quyết định số 1103/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2013.

- Chủ trì xây dựng Chiến lược Phát triển Học viện Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chiến lược đã được Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam phê duyệt theo Quyết định số 1543/QĐ-ĐCT ngày 20 tháng 11 năm 2015.

- Chủ trì xây dựng đề án, chương trình đào tạo thạc sỹ Quản trị kinh doanh năm 2018, được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo Quyết định số 5183/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2018.

- Chủ trì chương trình điều tra cơ bản cấp bộ về “Nhận thức, dự định khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh của phụ nữ”, đã hoàn thành và công bố kết quả điều tra cuối năm 2018.

- Chủ trì xây dựng Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các cấp và chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025”. Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2018.

- TS. Trần Quang Tiến đã chủ trì ban biên tập, phản biện cho ít nhất 3 hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia; là chủ biên, đồng chủ biên của nhiều giáo trình, tập bài giảng, sách chuyên khảo trong nước.

### 9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:

- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS, ThS:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019  
 Người đăng ký



**Trần Quang Tiến**

**D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC**

*Ban Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam xác nhận:*

- Những nội dung "Thông tin cá nhân" TS. Trần Quang Tiến – giảng viên cơ hữu của Học viện Phụ nữ Việt Nam đã kê khai là hoàn toàn đúng sự thật.
- TS. Trần Quang Tiến sau thời gian nghiên cứu sinh, nhận bằng tiến sỹ và về nước nhận công tác từ đầu năm 2008, có quyết định công nhận giảng viên từ tháng 6 năm 2008, quyết định công nhận giảng viên chính từ tháng 1/2011, công nhận giảng viên cao cấp từ tháng 1 năm 2018.
- TS. Trần Quang Tiến luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành vượt định mức, nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học; nhiều năm liền được công nhận là chiến sỹ thi đua cơ sở, chiến sỹ thi đua bộ ngành, được nhận Huân chương lao động Hạng 3 của Nhà nước Việt Nam, Huân chương lao động hạng 3 của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều hình thức khen thưởng khác.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019

**KT. GIÁM ĐỐC  
 PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thị Thanh Vân**